

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG NUÔI THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ Quy chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử lý phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động nuôi thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày và được đăng Báo Cần Thơ chậm nhất năm ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

QUY ĐỊNH

VỀ HOẠT ĐỘNG NUÔI THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2008
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động nuôi thủy sản phải tuân thủ theo Quy định này và chịu sự kiểm tra, giám sát của các sở, ngành chức năng có liên quan; chính quyền địa phương và cơ sở.

2. Quy định này quy định về điều kiện đối với tổ chức, cá nhân hoạt động nuôi thủy sản; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong nuôi thủy sản.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

- Nuôi thủy sản bao gồm hoạt động sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản dùng để lưu thông, phân phối trên thị trường;

- Nuôi thủy sản của hộ gia đình, cá nhân là nuôi ở quy mô chưa đạt tiêu chí của kinh tế trang trại theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Cơ sở nuôi động vật thủy sản tập trung là cơ sở nuôi của các tổ chức, doanh nghiệp hoặc cơ sở nuôi từ quy mô trang trại trở lên.

Nuôi tập trung là nuôi có quy mô diện tích từ 10 ha trở lên, có cùng các yếu tố về hạ tầng như giao thông, hệ thống cấp nước và xử lý nước, độc lập hoặc tương đối độc lập.

Quản lý vùng nuôi tập trung là biện pháp kiểm soát các hoạt động trong nuôi thủy sản, bao gồm từ khâu chọn địa điểm để xây dựng ao nuôi, cải tạo ao, xử lý nước, thả giống, chăm sóc, phòng trừ bệnh dịch đến thu hoạch thương phẩm.

Hệ thống xử lý nước bao gồm ao lắng để chứa và làm sạch nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; ao chứa nước thải để xử lý làm giảm thiểu ô nhiễm trong nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh.

Chất thải là các chất thải từ hoạt động nuôi thủy sản, bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng như thức ăn thừa, phân, xác thủy sản chết, dư lượng các loại thuốc, hóa chất phòng trị bệnh, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường ao nuôi, nước thải, bùn sên vét đáy ao từ ao nuôi.

- Thời gian gián đoạn sau mỗi đợt nuôi là thời gian ngừng nuôi giữa 2 đợt sản xuất cách nhau ít nhất là 15 ngày.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống thủy sản và nuôi thủy sản trên địa bàn thành phố thực hiện theo đúng các điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi thủy sản đã được quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh thủy sản có hiệu quả.

Chương II

ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH, NUÔI THỦY SẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI THỦY SẢN

MỤC 1: ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 4. Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả dịch vụ lưu giữ) giống thủy sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về giống thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương;

c) Cơ sở vật chất kỹ thuật và các trang thiết bị kỹ thuật, hệ thống cấp và thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, phương tiện vận chuyển, lưu giữ của cơ sở phải đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh từng đối tượng và phẩm cấp giống thủy sản, phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh đàn giống bố mẹ, đàn giống thương phẩm phải có nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản;

đ) Cơ sở sản xuất, kinh doanh đàn giống thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà phải có nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học trở lên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản;

e) Có hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất, kinh doanh giống;

g) Thực hiện quy trình kỹ thuật bắt buộc đối với sản xuất giống thủy sản và công bố chất lượng hàng hóa theo quy định của Bộ Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đực giống, cái giống, tinh đực giống, trứng giống và ấu trùng động vật thủy sản phải đủ các điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, e, g khoản 1 Điều này;

b) Có nhân viên kỹ thuật đã được cấp chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi, về kỹ thuật ấp trứng, công nghệ nhân giống thủy sản;

c) Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng tinh, phôi và môi trường bảo quản, pha chế tinh, phôi theo quy định của Bộ Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

d) Đực giống, cái giống thủy sản phải có nguồn gốc rõ ràng, đã được cơ quan chức năng kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản;

đ) Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng đực giống, cái giống thủy sản, trứng giống, ấu trùng thủy sản theo quy định của Bộ Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

MỤC 2: ĐIỀU KIỆN NUÔI THỦY SẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI THỦY SẢN

Điều 5. Điều kiện nuôi thủy sản và bảo vệ môi trường trong nuôi thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về nuôi thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương;

c) Cơ sở phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện sản xuất thức ăn nuôi thủy sản, kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản, chế biến thủy sản và kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và quy định hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y, hóa chất trong nuôi thủy sản phải thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Không được sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi thủy sản.

5. Thuốc thú y, hóa chất dùng trong nuôi thủy sản đã hết hạn sử dụng; bao bì đựng thuốc thú y, hóa chất dùng trong nuôi thủy sản sau khi sử dụng; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn.

6. Khu nuôi thủy sản tập trung phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

a) Chất thải phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường về quản lý chất thải;

b) Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi thủy sản;

c) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại.

7. Không được xây dựng khu nuôi thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng ven sông.

8. Phải thực hiện chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi theo quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

9. Có hồ sơ theo dõi quá trình nuôi thủy sản theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương.

10. Thực hiện quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản theo quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương.

MỤC 3: ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y THỦY SẢN

Điều 6. Điều kiện vệ sinh thú y thủy sản đối với cơ sở nuôi tập trung

1. Cơ sở nuôi tập trung động vật thủy sản trong ao, hồ phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y và các điều kiện đối với địa điểm, môi trường như sau:

a) Địa điểm cơ sở phải phù hợp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cách xa khu dân cư, công trình công cộng, các nguồn gây ô nhiễm;

b) Có kênh cấp nước, thoát nước thải riêng biệt;

c) Có từ 15 - 20% diện tích cơ sở nuôi được bố trí làm ao để lắng lọc nước trước khi đưa vào ao, hồ nuôi; 15 - 20% diện tích để xử lý nước thải, bùn thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y, tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài cơ sở nuôi;

d) Có khu vực vệ sinh cá nhân cách biệt với ao, đầm nuôi cho người lao động, khách tham quan;

đ) Có kho riêng biệt bảo quản thức ăn, nguyên liệu dùng sản xuất thức ăn tự chế; dụng cụ; thuốc; hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong quá trình nuôi;

e) Thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc định kỳ, khi có dịch bệnh và sau mỗi đợt xuất bán động vật thủy sản;

g) Phải sử dụng con giống thủy sản có nguồn gốc rõ ràng, không mang mầm bệnh truyền nhiễm, đã được chứng nhận kiểm dịch và phải áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc;

h) Phải giữ vệ sinh chung trong và ngoài vùng nuôi thủy sản tập trung. Khi phát hiện giống nuôi có hiện tượng nhiễm bệnh, chủ ao nuôi phải báo cho cơ quan chuyên ngành ở địa phương. Chủ ao nuôi phải nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong việc xử lý bệnh, nghiêm cấm việc tháo nước từ ao nuôi bị bệnh ra môi trường chung quanh;

i) Trường hợp giống nuôi trong ao nuôi bị bệnh mà chủ nuôi cố tình không báo, tự ý thải nước từ ao nuôi ra môi trường sẽ bị xử phạt theo quy định hiện hành;

k) Bảo đảm thời gian gián đoạn sau mỗi đợt nuôi;

l) Rác thải, bùn hữu cơ trong quá trình cải tạo, làm vệ sinh sau khi thu hoạch thủy sản thương phẩm phải được xử lý đúng quy định. Quá trình vận chuyển chất thải không để rơi vãi. Tuyệt đối không vứt các chất thải, hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật ở trong vùng nuôi;

m) Khi sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi thủy sản, tổ chức, cá nhân phải làm vệ sinh, thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện cơ giới để khoan, bơm đất, bùn với mục đích kinh doanh phải đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở nuôi tập trung động vật thủy sản trong lồng, bè, đăng quàng phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y tại điểm đ, e, g, h khoản 1 Điều 6 của Quy định này và các điều kiện đối với địa điểm, môi trường như sau:

a) Địa điểm neo đậu bè và đăng quàng phải theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt phải được thu gom xử lý theo đúng quy định; đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước;

c) Phải có nhà vệ sinh tự hoại chống thấm ra môi trường bên ngoài.

Điều 7. Điều kiện vệ sinh thú y thủy sản đối với hộ gia đình, cá nhân nuôi thủy sản

Hộ gia đình, cá nhân nuôi thủy sản phải có đủ các điều kiện vệ sinh thú y quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k, l khoản 1 Điều 6 của Quy định này và các điều kiện sau:

a) Dụng cụ dùng cho hoạt động nuôi thủy sản phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng;

b) Sử dụng thức ăn nuôi thủy sản phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật thủy sản và người sử dụng sản phẩm động vật thủy sản;

c) Nước sử dụng cho hoạt động nuôi thủy sản phải được xử lý lắng lọc trước khi đưa vào ao nuôi;

d) Nước thải, chất thải từ các ao hồ nuôi thủy sản phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả nước ra sông, rạch.

Điều 8. Phí kiểm tra Điều kiện vệ sinh thú y thủy sản

Phí kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y thủy sản đối với các cơ sở nuôi thủy sản thực hiện theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản và quy định hiện hành.

Chương III

THỰC HIỆN NUÔI THỦY SẢN

Điều 9. Thực hiện báo cáo nuôi thủy sản

1. Các hoạt động nuôi thủy sản phải báo cáo với chính quyền xã, phường, thị trấn ngay từ lần đầu nuôi với nội dung cụ thể: địa điểm, số lượng, sản lượng từng loại. Nếu có ký hợp đồng với doanh nghiệp thì phải có bản sao kèm theo.

2. Đối tượng và cơ quan thực hiện báo cáo nuôi thủy sản:

- Tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản phải báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi hoạt động sản xuất;

- Xã viên Hợp tác xã báo cáo với Hợp tác xã, sau đó Hợp tác xã báo cáo lại với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi hoạt động sản xuất.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan và địa phương hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chỉ đạo đơn vị trực thuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định của tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản trên địa bàn thành phố.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc xây dựng mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường, quy hoạch và đầu tư kết cấu hạ tầng cho vùng nuôi thủy sản.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện trong quy hoạch chi tiết nuôi thủy sản của địa phương; trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng cho vùng nuôi tập trung đúng yêu cầu kỹ thuật.

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản thành phố Cần Thơ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giám sát chặt chẽ việc phát triển nuôi thủy sản trên địa bàn thành phố.

Điều 11. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện hướng dẫn tổ chức, cá nhân có dự án phát triển liên quan đến hoạt động thủy sản thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2. Triển khai, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định; kiểm tra xử lý vi phạm về sử dụng đất theo quy định và thẩm quyền;

3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra về sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi thủy sản, công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản và xử lý nghiêm hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định và thẩm quyền.

Điều 12. Các sở, ban ngành có liên quan, Hiệp hội Thủy sản theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện tốt Quy định này.

Điều 13. Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản thực hiện tốt Quy định này.

2. Kiểm tra việc thực hiện Quy định này trên địa bàn quản lý.

3. Phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác quản lý và xử lý vi phạm về sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi thủy sản không đúng quy định.

4. Có kế hoạch phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác phòng trừ dịch bệnh thủy sản.

5. Tổ chức vận động, tuyên truyền tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản tuân thủ theo quy định và tự nguyện tham gia vào các loại hình kinh tế hợp tác hoặc lập trang trại; thực hiện nuôi thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

6. Triển khai thực hiện tốt việc phát triển nuôi thủy sản trên địa bàn quản lý theo đúng quy hoạch chung đã được duyệt. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản vi phạm quy định nhà nước theo quy định và thẩm quyền.

7. Chỉ đạo chính quyền xã, phường, thị trấn tổ chức bộ phận hay cán bộ theo dõi và quản lý hoạt động nuôi thủy sản của tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

8. Chỉ đạo chính quyền xã, phường, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của nhà nước về nuôi thủy sản, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định và thẩm quyền.

Điều 14. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm bố trí cán bộ hay bộ phận chuyên môn theo dõi hoạt động nuôi thủy sản; giám sát, kiểm tra việc sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi thủy sản của tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý. Nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về nuôi thủy sản, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường,... thì tiến hành lập biên bản, xử lý vi phạm theo quy định và thẩm quyền; thường xuyên phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về nuôi thủy sản, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản trên địa bàn.

2. Giám sát việc thực hiện Quy định này.

3. Tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân ở vùng nuôi thủy sản tập trung trên địa bàn bảo đảm thực hiện tốt Quy định về hoạt động nuôi thủy sản và bảo vệ môi trường.

4. Vận động tổ chức, cá nhân hoặc có quy ước về việc người nuôi thủy sản có trách nhiệm xây dựng quỹ bảo vệ môi trường vùng nuôi tập trung để kịp thời xử lý các tình huống khi có bệnh dịch xảy ra, giảm rủi ro và hạn chế thiệt hại cho cộng đồng vùng nuôi; đồng thời, nâng cao ý thức và trách nhiệm của người nuôi thủy sản về bảo vệ môi trường chung.

5. Trên cơ sở đề cao vai trò của người dân trong việc quản lý dựa vào cộng đồng, tuyên truyền ý thức tự giác, trách nhiệm của người dân đối với bảo vệ môi trường chung nhằm giúp người nuôi quản lý vùng nuôi thủy sản tập trung một cách có hiệu quả.

Điều 15. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản

1. Quán triệt và thực hiện đầy đủ nội dung Quy định này về quản lý vùng nuôi trên địa bàn.

2. Tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi thủy sản phải quy hoạch đủ diện tích chứa đất, bùn và các chất thải khác; không đưa chất thải trực tiếp ra sông, rạch;

trước khi sên, vét phải thông báo cho các hộ xung quanh khu vực có khả năng bị ảnh hưởng biết, để chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và phòng tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh.

3. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm thiệt hại nguồn lợi thủy sản và tài nguyên khác thì phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin về dịch bệnh, môi trường nuôi thủy sản cho cán bộ kỹ thuật và các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

5. Kịp thời ngăn chặn và phản ánh với cơ quan chức năng, khi phát hiện các hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực nuôi thủy sản.

6. Khi có dịch bệnh xảy ra, phải báo cáo với cơ quan chức năng để tìm biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế thiệt hại.

7. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ các cơ quan chức năng thu mẫu thực hiện chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi theo quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

8. Tham gia thành lập quỹ bảo vệ môi trường đối với vùng nuôi thủy sản và hoạt động theo điều lệ của quỹ.

9. Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong việc mở rộng quy mô nuôi thủy sản theo quy hoạch đã được duyệt.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản thuộc các thành phần kinh tế có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này và quy định hiện hành, mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 17. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phổ biến, triển khai rộng rãi Quy định này trên địa bàn quản lý.

Điều 18. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có điều gì chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, KHIẾU NẠI TỐ CÁO

Điều 19. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, bảo vệ môi trường theo quy định tại các Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này và quy định pháp luật hiện hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Khiếu nại, tố cáo

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm Quy định này của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về Luật Khiếu nại, tố cáo./.